

Bản án số: 187/2019/DS-PT
Ngày: 23-10-2019
Về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ.

Các thẩm phán:

1. Ông Đào Chí Keo;
2. Bà Trần Thị Thúy Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông: Phạm Trường San – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 174/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2019/DS-ST, ngày 04/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện CP bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 169/2019/QĐPT-DS ngày 11 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn K, sinh năm 1958; nơi cư trú: Tổ 09, ấp BT, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn G, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ 09, ấp BT, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang. (có mặt)

Ông Phạm Văn G ủy quyền cho bà Thái Thị Diễm T, sinh năm 1980; Nơi cư trú: 10/4, đường Lê Hồng P, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang, theo văn bản ủy quyền ngày 03/10/2019. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 09, ấp BT, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang. (có mặt)

3.2. Bà Phạm Thị Thúy N, sinh năm 1998; nơi cư trú: Tổ 09, ấp BT, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang.(vắng mặt)

3.3. Chị Phạm Thị Mỹ N1, sinh năm 2001; nơi cư trú: Tổ 09, ấp BT, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.4. Cháu Phạm Thị Phương L, sinh năm 2003; nơi cư trú: Tổ 09, ấp BT, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.5. Cháu Phạm Thị Thanh N2, sinh năm 2010; nơi cư trú: Tổ 09, ấp BT, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu Phạm Thị Phương L và cháu Phạm Thị Thanh N2 là: Ông Phạm Văn G, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ 09, ấp BT, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang.

3.6. Bà Bùi Thị B, sinh năm 1944; nơi cư trú: Tổ 09, ấp BT, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.7. Ông Võ Văn H1, sinh năm 1980; Tổ 09, ấp BT, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.8. Bà Võ Thị Thùy T1, sinh năm 1982; Tổ 09, ấp BT, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.9. Ông Võ Văn Phước L1, sinh năm 1984; Tổ 09, ấp BT, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.10. Ông Võ Phước L2, sinh năm 1993; Tổ 09, ấp BT, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang(vắng mặt)

3.11. Bà Võ Thị Như N3, sinh năm 1990; Tổ 15, ấp VH, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn Ông Võ Văn K, bị đơn Ông Phạm Văn G và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Võ Thị Kim H, bà Phạm Thị Thúy N, bà Phạm Thị Mỹ N1, cháu Phạm Thị Phương L, cháu Phạm Thị Thanh N2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện Ông Võ Văn K trình bày ý kiến như sau:

Nguyên cha ông là ông Võ Văn A và mẹ là bà Lê Thị L3 có cho hộ gia đình ông một thửa đất với diện tích là 451.7m² vào năm 1998 và được Ủy ban nhân dân huyện CP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03638 QSDĐ/FF ngày 31/5/2002 thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 15, loại đất thổ cư, đất tọa lạc tại ấp BT, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang.

Qua thời gian sử dụng, phần đất giáp ranh với Ông Phạm Văn G đã bị thất lạc mốc ranh và qua đo đạc thì ông phát hiện diện tích đất của hộ gia đình ông

mất khoảng 40m² so với hiện trạng và diện tích đất được cấp. Phần đất bị mất ông xác định là do Ông G lấn chiếm và tự ý xây dựng tường rào mà không cho ông biết.

Nay ông K yêu cầu Phạm Văn Giao và những người cùng cư trú trên phần đất tranh chấp phải trả lại phần diện tích đất cho hộ gia đình ông bị mất khoảng 40m² mà hộ gia đình Ông G đã lấn chiếm và di dời hàng rào bê tông cùng các công trình kiến trúc để trả lại đất cho hộ gia đình ông K.

2. Bị đơn Ông Phạm Văn G trình bày ý kiến như sau:

Nguồn gốc diện tích đất 289m², thửa 16, tờ bản đồ số 8 do vợ chồng ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 29/01/2013 là của vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị L3 là mẹ của ông Võ Văn H1 vào năm 2006, khi nhận chuyển nhượng có ranh đất hẵn hoi, khi đo đất có mặt ông K, bà L3 và ông H1. Bà L3 có nhờ ông H1 đứng ra làm giấy tờ sang tên cho vợ chồng ông, hiện bà L3 đã chết. Từ khi được chuyển nhượng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay vợ chồng ông chỉ sử dụng ổn định trong phần diện tích được cấp, việc xây nhà cửa và các công trình kiến trúc cũng đều nằm trong phần diện tích được cấp. Hiện trên phần đất này ngoài ông và vợ ông là Võ Thị Kim H đang cư trú thì còn có các con là Phạm Thị Thúy N, sinh năm 1998; Phạm Thị Mỹ N1, sinh năm 2001; Phạm Thị Phương L, sinh năm 2003 và Phạm Thị Thanh N2, sinh năm 2010 cũng đều đang cư trú và đăng ký hộ khẩu thường trú trên phần đất này. Nay ông K kiện yêu cầu vợ chồng ông cùng các con ông di dời nhà, hàng rào và các công trình kiến trúc và trả cho hộ gia đình ông K phần diện tích 40m² mà ông K cho rằng vợ chồng ông lấn chiếm là không có cơ sở nên ông không đồng ý, vì không có lấn chiếm.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà H thống nhất theo lời trình bày của Ông Phạm Văn G là chồng của bà và không có ý kiến bổ sung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2019/DS-PT ngày 04/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện CP quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 259 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 202, Điều 203 Luật Đất đai;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Võ Văn K.

Buộc Ông Phạm Văn G, bà Võ Thị Kim H có trách nhiệm trả lại cho hộ gia đình Ông Võ Văn K phần đất có diện tích 29.30m² theo giá trị bằng bằng tiền là: 9.669.000đ (chín triệu, sáu trăm sáu mươi chín ngàn đồng).

Công nhận cho Ông Phạm Văn G, bà Võ Thị Kim H được quyền sử dụng diện tích 29.30m² đất theo đo đạc thực tế tại các điểm 12, 37, 38, 32 tại bản đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP đo vẽ ngày 20/11/2018 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số 03638 QSDĐ/FF vào ngày 31/5/2002 thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 15, loại đất thổ cư, đất tọa lạc tại ấp BT, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang có diện tích 451.7m² do hộ gia đình ông K đứng tên (có bản đồ hiện trạng kèm theo). Ông G, Bà H được quyền đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 29.30m² nói trên theo quy định của pháp luật khi Ông G, Bà H đã trả đủ cho hộ ông K số tiền 9.669.000đ (chín triệu, sáu trăm sáu mươi chín ngàn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18 tháng 6 năm 2019, nguyên đơn Ông Võ Văn K kháng cáo với nội dung là được nhận lại diện tích 29,30m² không nhận bằng tiền.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, bị đơn Ông Phạm Văn G và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Võ Thị Kim H, Phạm Thị Thúy N, Phạm Thị Mỹ N1, Phạm Thị Phương L, Phạm Thị Thanh N2 trong vụ án làm đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 81/2019/DS-ST, ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện CP.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông Võ Văn K nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không rút yêu cầu kháng cáo, bị đơn Ông Phạm Văn G, và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Võ Thị Kim H, Phạm Thị Thúy N, Phạm Thị Mỹ N1, Phạm Thị Phương L và Phạm Thị Thanh N2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký Tòa án tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như: Thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm theo đúng quy định Điều 285, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm theo Điều 286, triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm theo Điều 294. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của thành viên Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử phúc thẩm và thủ tục phiên tòa.

Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, 86, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, phúc xử: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ông Võ Văn K; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Phạm Văn G và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Võ Thị Kim H, Phạm Thị Thúy N, Phạm Thị Mỹ N1, Phạm Thị Phương L và Phạm Thị Thanh N2.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2019/DS-ST ngày 04/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện CP. Buộc Ông Phạm Văn G và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Võ Thị Kim H, Phạm Thị Thúy N, Phạm Thị Mỹ N1, Phạm Thị Phương L và Phạm Thị Thanh N2 có trách nhiệm tháo dỡ hàng rào lưới B40 trả lại cho hộ gia đình Ông Võ Văn K phần đất có diện tích 26,65m² tại các điểm 12, 37, 38, theo bản đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – chi nhánh CP lập ngày 02/4/2018 Ông Phạm Văn G, bà Võ Thị Kim H, Phạm Thị Thúy N, Phạm Thị Mỹ N1, Phạm Thị Phương L và Phạm Thị Thanh N2 được quyền sử dụng diện tích 2,65m² tại các điểm 39, 40, 11 của góc nhà Ông Phạm Văn G và có trách nhiệm giao trả cho hộ Ông Võ Văn K giá trị đất là 874.500đ. Các phần còn lại của bản án dân sự sơ thẩm không sửa đề nghị giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn Ông Võ Văn K, bị đơn Ông Phạm Văn G và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Võ Thị Kim H, Phạm Thị Thúy N, Phạm Thị Mỹ N1, Phạm Thị Phương L và Phạm Thị Thanh N2 được làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Nhận thấy năm 1998 ông K được cha mẹ là ông Võ Văn A và mẹ là bà Lê Thị L3 cho một phần đất thổ cư diện tích 451,7m². Ngày 31/5/2002, hộ ông Ông Võ Văn K được Ủy ban nhân dân huyện CP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03638 QSDĐ/FF ngày 31/5/2002 thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 15, loại đất thổ cư, đất tọa lạc tại ấp BT, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang.

Qua thời gian sử dụng ông K phát hiện phần đất giáp ranh với Ông G bị thất lạc mốc ranh và hộ gia đình Ông G lấn chiếm diện tích khoảng 40m² đất so với hiện trạng và diện tích đất được cấp. Phía Ông G cho rằng vào năm 2006, Ông G có mua phần đất của bà nội vợ là bà Lê Thị L3 và chú vợ là ông Võ Văn H1 diện tích ngang 15m, dài đến giáp phần đất nông nghiệp, đến năm 2013 ông Võ Văn H1 liền mới cắt phần đất diện tích 2.346,2m² để làm hợp đồng chuyển nhượng diện tích 289m² cho vợ chồng Ông Phạm Văn G và Võ Thị Kim H. Ngày 29/01/2013 vợ chồng ông G, bà H được Ủy ban nhân dân huyện CP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02457 thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số

08 diện tích $289m^2$, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ông G cất nhà và xây dựng hàng rào lưới B40 trong phần đất của mình nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông K.

[3] Xét đơn kháng cáo của Ông Võ Văn K yêu cầu trả lại diện tích đất bị lấn chiếm chứ không nhận bằng giá trị tiền. Hội đồng xét xử xét thấy, theo bản đồ hiện trạng thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh CP đo vẽ ngày 02/4/2018, thể hiện phần đất $29,3m^2$ Ông Phạm Văn G đang quản lý, sử dụng nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03638QSDĐ/fF do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp cho hộ Ông Võ Văn K ngày 31/5/2002. Trong phần đất $29,3m^2$ có các điểm 39,40,11 là góc nhà của Ông Phạm Văn G được xây dựng kiên cố có diện tích $2,65m^2$, phần còn lại hàng rào lưới B40 có diện tích $2665m^2$; Do đó ông K yêu cầu Ông G, Bà H trả lại diện tích đất lấn chiếm $29,3m^2$ là có căn cứ. Việc cấp sơ thẩm buộc Ông Phạm Văn G, bà Võ Thị Kim H có trách nhiệm trả lại cho hộ gia đình ông K diện tích $29,3m^2$ theo giá trị bằng tiền là 9.669.000 đồng và công nhận cho Ông Phạm Văn G, bà Võ Thị Kim H được quyền sử dụng diện tích tại các điểm 12,37,38,32 theo bản đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh CP lập ngày 02/4/2018 là không có căn cứ.

[4] Theo bản đồ hiện trạng thửa đất của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh CP lập ngày 02/4/2018 thể hiện tại các điểm 39, 40, 11 là góc nhà của Ông G đã xây dựng kiên cố có diện tích $2,65m^2$ nếu buộc tháo dỡ sẽ ảnh hưởng đến căn nhà, Hội đồng xét xử nghĩ nên để ổn định góc nhà của Ông G nên buộc Ông G, Bà H hoàn giá trị diện tích $2,65m^2$ theo giá đã định là $330.000\text{đồng}/m^2 \times 2,65m^2 = 874.500\text{đồng}$ cho ông K là phù hợp. Tuy nhiên, bản án không tuyên những người liên quan gồm: Phạm Thị Thúy N, Phạm Thị Mỹ N1, Phạm Thị Phương L và Phạm Thị Thanh N2 cùng Ông Phạm Văn G, bà Võ Thị Kim H trả diện tích đất bị lấn chiếm nhưng lại buộc Phạm Thị Thúy N, Phạm Thị Mỹ N1, Phạm Thị Phương L và Phạm Thị Thanh N2 phải chịu 483.000đồng án phí dân sự sơ thẩm là chưa chính xác.

Ngoài ra, bản đồ hiện trạng thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện CP có trong hồ sơ thể hiện ngày 02/ 4/2018 nhưng trong bản án cấp sơ thẩm đánh máy ngày 20/11/2018 là chưa chính xác cần phải điều chỉnh lại.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Ông Võ Văn K.

Đối với yêu cầu kháng cáo của Ông Phạm Văn G và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Võ Thị Kim H, Phạm Thị Thúy N, Phạm Thị Mỹ N1, Phạm Thị Phương L và Phạm Thị Thanh N2 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận.

[5] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên Ông Võ Văn K, Ông Phạm Văn G, bà Võ Thị Kim H, Phạm Thị Thúy N, Phạm Thị Mỹ N1, Phạm Thị Phương L và Phạm Thị Thanh N2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

Ông Phạm Văn G, bà Võ Thị Kim H, Phạm Thị Thúy N, Phạm Thị Mỹ N1, Phạm Thị Phương L và Phạm Thị Thanh N2 mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo phiếu thu số: 0001441, 0001440, 0001439, 0001438, 0001437, 0001436 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Ông Võ Văn K.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Phạm Văn G, và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Võ Thị Kim H, Phạm Thị Thúy N, Phạm Thị Mỹ N1, Phạm Thị Phương L và Phạm Thị Thanh N2.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 81/2019/DS-ST ngày 04/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện CP.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Võ Văn K.

2. Buộc Ông Phạm Văn G và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Võ Thị Kim H, Phạm Thị Thúy N, Phạm Thị Mỹ N1, Phạm Thị Phương L và Phạm Thị Thanh N2 có trách nhiệm tháo dỡ hàng rào lưới B40 trả lại cho hộ gia đình Ông Võ Văn K phần đất có diện tích 26,65m² tại các điểm 12, 37, 38, theo bản đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – chi nhánh CP lập ngày 02/4/2018. Ông Phạm Văn G, bà Võ Thị Kim H, Phạm Thị Thúy N, Phạm Thị Mỹ N1, Phạm Thị Phương L và Phạm Thị Thanh N2 được quyền sử dụng diện tích 2,65m² tại các điểm 39, 40, 11 của gốc nhà Ông Phạm Văn G và có trách nhiệm giao trả cho hộ Ông Võ Văn K giá trị đất là 874.500đ (Tám trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm đồng).

Kèm theo bản đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – chi nhánh CP lập ngày 02/4/2018.

3. Về chi phí tố tụng:

- Tại cấp sơ thẩm: Chi phí đo đạc, định giá tài sản, chi phí thẩm định Ông Phạm Văn G và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Võ Thị Kim H, Phạm Thị Thúy N, Phạm Thị Mỹ N1, Phạm Thị Phương L và Phạm Thị

Thanh N2 phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông K tiền chi phí đo đạc 674.300đồng, theo phiếu thu ngày 09/4/2018; chi phí định giá thẩm định 700.000 đồng.

- Tại cấp phúc thẩm: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.165.000đồng Ông G phải chịu, do Ông G đã tạm ứng trước 3.000.000 đồng nên Ông G được nhận lại 1.835.000đồng.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Võ Văn K là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm, nên không phải chịu án phí đối với phần khởi kiện không được chấp nhận, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0013350 ngày 17/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

- Ông Phạm Văn G phải chịu án phí án dân sự sơ thẩm 300.000đ.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn K, Ông Phạm Văn G, bà Võ Thị Kim H, Phạm Thị Thúy N, Phạm Thị Mỹ N1, Phạm Thị Phương L và Phạm Thị Thanh N2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

Ông Phạm Văn G, bà Võ Thị Kim H, Phạm Thị Thúy N, Phạm Thị Mỹ N1, Phạm Thị Phương L và Phạm Thị Thanh N2 mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo phiếu thu số: 0001441, 0001440, 0001439, 0001438, 0001437, 0001436 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND – An Giang;
- TAND – huyện CP;
- THA – huyện CP;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân Sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Minh Lễ